

CẢM NHẬN HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

PHAN THUẬN^(*)

Tóm tắt: Mục đích của bài viết là phân tích cảm nhận của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long về hạnh phúc từ quan niệm cho đến trong hiện thực. Bài viết đã sử dụng phương pháp khảo sát xã hội học với 600 người dân được lựa chọn ngẫu nhiên thuộc thành phố Cần Thơ và các tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp), Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ) và Cà Mau. Bài viết phân tích việc đánh giá cảm nhận của người dân thông qua chiều cạnh quan niệm của người dân về các yếu tố cấu thành hạnh phúc và cảm nhận về mức độ hạnh phúc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sức khỏe, công việc và thu nhập, mối quan hệ gia đình và bạn bè là những yếu tố quan trọng tạo nên hạnh phúc của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long, bên cạnh các yếu tố khác. Mức độ hạnh phúc của người dân đồng bằng sông Cửu Long ở mức độ tương đối hạnh phúc trở lên nhưng càng lên cao thì mức độ hạnh phúc có xu hướng giảm. Cảm nhận này của người dân có sự khác nhau ở các đặc trưng nhân khẩu học. Phát hiện này có ý nghĩa quan trọng đối với xây dựng chiến lược phát triển của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới.

Từ khóa: Đồng bằng sông Cửu Long; Hạnh phúc; Sự hài lòng cuộc sống.

THE PERCEPTIONS OF HAPPINESS AMONG PEOPLE IN THE MEKONG DELTA

Abstract: The purpose of this paper is to analyze the perceptions of happiness among people in the Mekong Delta, from their conceptual understanding to their lived reality. The study employed a sociological survey method with a random sample of 600 residents from Can Tho City and the provinces of Tien Giang (Đồng Tháp), Soc Trang (Can Tho city), and Ca Mau. The paper examines respondents' evaluations of happiness through two dimensions: (1) their conceptual views on the factors constituting happiness and (2) their perceived levels of happiness. The findings reveal that health, employment, and income, as well as family and

^(*) Học viện Chính trị khu vực IV, Thành phố Cần Thơ.

friendship relations, are the most important factors shaping the happiness of people in the Mekong Delta, alongside other influences. Overall, the level of happiness among residents is relatively high; however, as happiness levels increase, there is a tendency for the proportion of respondents reporting higher levels of happiness to decline. The distribution of happiness perceptions takes the form of a bulge in the middle-most respondents fall into the “moderately happy” category-while tapering off at both extremes (“very happy” and “very unhappy”). This indicates that Mekong Delta residents generally perceive themselves as moderately happy, with fewer reporting very high levels of happiness. These perceptions also vary according to demographic characteristics. This finding has significant implications for the formulation of development strategies for the Mekong Delta in the coming period.

Keywords: *Happiness; Life satisfaction; Mekong Delta.*

Ngày nhận bài: 25/4/2025; Ngày gửi phản biện: 28/4/2025; Ngày duyệt đăng bài: 10/10/2025.

1. Giới thiệu nghiên cứu

Hạnh phúc đã trở thành chủ đề nghiên cứu ở nhiều nước phát triển trên thế giới, nhưng chỉ thực hiện nghiên cứu ở Việt Nam trong những năm gần đây (Lê Ngọc Văn, 2019; Trương Minh Đức, 2019; Bùi Thị Hương Trâm, 2019; Nguyễn Hồng Vân, 2019; Ngô Thị Lan, 2020; Nguyễn Quốc Tuấn, 2020; Lương Thị Hoa, 2021; Nguyễn Văn Thắng, 2021). Có thể thấy, hạnh phúc trở thành chủ đề nghiên cứu được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, bởi vì thực hiện nghiên cứu này của tác giả góp phần hiện thực hóa chủ trương đất nước phồn vinh và nhân dân hạnh phúc theo tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt, trong bối cảnh kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thực hiện nghiên cứu hạnh phúc càng có ý nghĩa hơn. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng, nghiên cứu hạnh phúc có ý nghĩa quan trọng đối với hoạch định và thực thi chính sách của quốc gia, góp phần quản lý xã hội phát triển bền vững (Trương Minh Đức, 2019, Lê Ngọc Văn, 2019; Trần Văn Hùng, 2020; Nguyễn Văn Thắng, 2021). Thật vậy, việc đo lường và đánh giá hạnh phúc được thực hiện trong dân cư, để từ đó có những can thiệp chính sách phù hợp và điều này có ý nghĩa to lớn đối với địa phương, bởi lẽ nó cho thấy được hiệu quả thực thi chính sách phát triển mà địa phương triển khai trong thời gian qua. Thông qua nghiên cứu hạnh phúc, địa phương có thể điều chỉnh các hoạt động, biện pháp thực thi chính sách xã hội. Đồng thời, nghiên cứu này còn để tìm hiểu tác động

của những chương trình, chính sách vĩ mô và chính sách công đối với chất lượng cuộc sống của người dân. Hầu hết các nghiên cứu cho thấy, lạm phát và thất nghiệp có tác động đến hạnh phúc.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là một trong những vùng kinh tế - xã hội có vị trí chiến lược đối với phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh của quốc gia. Trong những năm qua, chất lượng cuộc sống của người dân vùng ĐBSCL đã có những thay đổi tích cực từ các chiều cạnh cuộc sống như thu nhập tăng, giáo dục và chăm sóc y tế được cải thiện, v.v.. Tuy nhiên, vùng đất này đã chịu tác động không nhỏ từ an ninh phi truyền thống. Biến đổi khí hậu và nước biển dâng, già hóa dân số, di cư tự do đã làm xáo trộn cuộc sống của người dân vùng đất chín rồng; nhiều vấn đề tiêu cực do đô thị hóa xảy ra ngày càng nhiều như tội phạm, tệ nạn xã hội, v.v. đã khiến người dân bất an. Chính điều này đã ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL. Do đó, nghiên cứu cảm nhận hạnh phúc của người dân để đưa ra những giải pháp khắc phục những thách thức do an ninh phi truyền thống, góp phần nâng cao hạnh phúc của người dân ở vùng ĐBSCL trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Như vậy, nghiên cứu hạnh phúc có ý nghĩa quan trọng đối với chiến lược phát triển của cả nước nói chung, vùng ĐBSCL nói riêng. Mặc dù vậy, qua rà soát tài liệu cho thấy, nghiên cứu của Ngô Trí Nam Khang và cộng sự (2014), Trịnh Chí Thâm và cộng sự (2019), Phan Thuận (2021) có đề cập đến chất lượng cuộc sống và sự hài lòng cuộc sống của người dân vùng ĐBSCL, tuy nhiên các nghiên cứu này chỉ đề cập đến nhóm người cao tuổi (Phan Thuận, 2021), dân tộc thiểu số (Trịnh Chí Thâm và cộng sự, 2019). Có thể thấy, đối tượng nghiên cứu này ở ĐBSCL vẫn còn hạn chế. Chính điều này đã tạo ra khoảng trống của nghiên cứu trong chủ đề này. Mục đích của nghiên cứu cảm nhận hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL không chỉ phân tích thực trạng về quan niệm và mức độ hạnh phúc của người dân mà còn góp phần bổ sung và lấp đầy khoảng trống trong nghiên cứu. Từ đó, đề xuất các chiến lược phát triển cho người dân trong vùng để nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của người dân, góp phần hiện thực hóa tinh thần Nghị quyết 13-NQ/TW của Bộ Chính trị về “phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Cho đến nay, khái niệm hạnh phúc có nhiều cách hiểu khác nhau bởi vì đây là khái niệm mờ (fuzzy). Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế - OECD (2013),

hạnh phúc là những trạng thái tinh thần tốt lành, bao gồm tất cả những đánh giá khác nhau, tích cực và tiêu cực, mà người ta cảm nhận được từ cuộc sống của mình và những phản ứng do xúc cảm của người đó đối với các trải nghiệm của họ. Trong khi đó, Veenhoven (2015) cho rằng, hạnh phúc đó là: “Nhìn chung, hạnh phúc là mức độ mà một cá nhân đánh giá chất lượng tổng thể về cuộc sống hiện tại của mình, hay nói khác đi là mức độ người đó yêu thích cuộc sống mà mình đang sống”. Bên cạnh đó, khái niệm cảm nhận hạnh phúc cũng được nhiều nghiên cứu quan tâm. Theo Casas và cộng sự (2013), Diener và cộng sự (2002) và Huebner (1994), cảm nhận hạnh phúc là việc mỗi cá nhân tự đánh giá dựa trên nhận thức và tình cảm về sự hài lòng, dễ chịu đối với cuộc sống của họ, về mức độ đáp ứng các nhu cầu cảm xúc tích cực. Theo đó, nghiên cứu thao tác hóa khái niệm “hạnh phúc” thành các chỉ báo cơ sở, không xây dựng các chỉ báo trung gian, gồm sức khỏe, công việc và thu nhập, mối quan hệ gia đình và bạn bè, sự an toàn trong xã hội, thời gian giải trí và thư giãn, pháp luật tôn trọng quyền tự do và dân chủ, sự rộng lượng và bao dung.

Như vậy, hạnh phúc là một cảm nhận chủ quan, một trạng thái có ý thức của con người. Bài viết này nhấn mạnh đến sự cảm nhận của người dân đối với hạnh phúc. Theo đó, bài viết chủ yếu tập trung phân tích việc đánh giá cảm nhận của người dân thông qua hai chiều cạnh: (1) quan niệm của người dân về các yếu tố cấu thành hạnh phúc và (2) cảm nhận của người dân về mức độ hạnh phúc.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích tài liệu sẵn có từ các kết quả nghiên cứu trước đó. Mục đích của phương pháp này là hình thành khung lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu và cơ sở để thao tác hóa khái niệm nhằm xây dựng các chỉ báo thực nghiệm. Từ đó, nghiên cứu xây dựng công cụ khảo sát bằng bảng hỏi. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 600 người dân trong Quý 1/2025 ở thành phố Cần Thơ và các tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp), Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ) và Cà Mau, trong đó mỗi địa phương có 150 người dân. Các đối tượng khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên theo tiêu chí: khu vực thành thị - nông thôn, giới tính. Sở dĩ có sự lựa chọn này là vì nghiên cứu mong muốn phân tích quan niệm của người dân vùng ĐBSCL được phản ánh một cách đầy đủ và toàn diện hơn. Kết quả đặc điểm của đối tượng khảo sát cho thấy, có 53,2% là nữ giới và 46,8% là nam giới; có 53,3% là người dân ở thành thị và 46,7% là người dân ở nông thôn; có 16,1% người dân có mức sống khá giả, người dân có mức sống trung bình chiếm 79,4% và 4,5% người dân có mức sống cận nghèo/nghèo. Với các đặc điểm mẫu khảo sát này cho phép nghiên cứu có thể so sánh và đánh giá.

Ngoài ra, nghiên cứu còn thực hiện 16 cuộc phỏng vấn sâu (PVS) ở các địa phương khảo sát với mục đích làm rõ hơn về quan niệm hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL.

Nghiên cứu đã sử dụng nhiều phép tính toán học để xử lý thông tin khảo sát với mục đích phân tích tần suất, và đặc biệt kiểm định mối quan hệ giữa biến số độc lập với biến số phụ thuộc thông qua kiểm định tương quan chéo.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Hạnh phúc của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ quan niệm

Hạnh phúc là cảm nhận chủ quan của con người đối với cuộc sống hiện tại và được cấu thành từ nhiều yếu tố. Các nghiên cứu khác nhau có những cách đánh giá cảm nhận hạnh phúc khác nhau. Trong bối cảnh ở ĐBSCL, nghiên cứu đã yêu cầu người trả lời lựa chọn 5/8 yếu tố đóng vai trò quan trọng đối với hạnh phúc của người dân. Biểu đồ 1 cho thấy, sức khỏe là một trong những yếu tố đóng vai trò quan trọng nhất đối với hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL, chiếm tỉ lệ cao nhất (93,8%). Theo đó, đa số người dân vùng ĐBSCL đều thừa nhận “sức khỏe là vàng”, có sức khỏe là có tất cả. Nếu không có sức khỏe thì không thể tạo ra của cải, vật chất và cuộc sống không tươi đẹp. Thật vậy, “sức khỏe là quan trọng nhất, bởi vì nếu có nhiều tiền mà suốt ngày bệnh tật, đau ốm thì làm sao hạnh phúc được! Trong khi đó, nếu có sức khỏe thì có thể làm ra tiền” (PVS, nam, 62 tuổi, thành phố Cần Thơ, cán bộ hưu trí). Như vậy, người dân vùng ĐBSCL xem yếu tố sức khỏe là một trong những yếu tố quan trọng để có hạnh phúc.

Biểu đồ 1: Quan niệm của người dân ĐBSCL về các yếu tố quan trọng đối với hạnh phúc (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát 600 người dân ĐBSCL, 2025.

Công việc và thu nhập là một trong những yếu tố quan trọng đứng vị trí thứ hai trong tất cả yếu tố, chiếm tỉ lệ 86,8%. Điều này cho thấy, công việc và thu nhập là điều kiện để người dân có thể tồn tại và có cuộc sống tốt đẹp hơn. Như vậy, hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL là phải đảm bảo điều kiện thiết yếu của cuộc sống. Để củng cố cho kết quả này, các dữ liệu định tính từ PVS cho thấy, đa số người dân vùng ĐBSCL xem công việc và thu nhập là yếu tố quan trọng để mang lại hạnh phúc.

“Nếu không có công việc và tiền bạc thì cũng rất khó có hạnh phúc vì nghèo nàn, thiếu trước hụt sau thì làm sao có được hạnh phúc” (PVS, nam, 42 tuổi, tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ), nghề nông).

“Tôi nghĩ để có hạnh phúc thì phải có cuộc sống ấm no và đầy đủ. Thử nghĩ coi, sống thiếu thốn, tất bật kiếm cơm ngày hai bữa không đủ no thì làm sao có hạnh phúc” (PVS, nữ, 35 tuổi, tỉnh Cà Mau, giáo viên).

Yếu tố quan trọng thứ ba để tạo nên hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL là các mối quan hệ gia đình và bạn bè, chiếm tỉ lệ 84,8%. Điều này cho thấy, người dân vùng ĐBSCL luôn coi trọng yếu tố quan hệ gia đình và bạn bè. Người dân cho rằng, gia đình hòa thuận, yêu thương nhau thì mới có hạnh phúc và bạn bè, láng giềng thân thiện, hỗ trợ nhau khi gặp khó khăn thì cuộc sống thêm ý nghĩa. Thực tế cho thấy, các giá trị hòa thuận, yêu thương của gia đình ở vùng đất chín rồng đã phần nào bị xói mòn dưới sự tác động của mặt trái của nền kinh tế thị trường. Ngoài ra, các mối quan hệ láng giềng, bạn bè không còn như trước đây. Chính điều này đã ảnh hưởng đến hạnh phúc và vì thế, người dân vùng ĐBSCL mong muốn quan hệ gia đình và bạn bè luôn được củng cố để hạnh phúc được trọn vẹn và đong đầy.

Cùng với các yếu tố trên, sự an toàn trong xã hội là một trong những yếu tố quan trọng để tạo nên hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL (chiếm tỉ lệ 61,3%). Rõ ràng, sống an yên trong xã hội đầy biến động là một trong những mong muốn của người dân vùng đất chín rồng. Bởi vì, người dân vùng ĐBSCL phải đối diện với thách thức của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, xâm nhập mặn đã làm cho sinh kế và sức khỏe của họ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Nhiều biến cố xã hội như dịch bệnh, thiên tai; sự cạnh tranh thiếu lành mạnh, chạy theo lợi ích mà lãng quên yếu tố an toàn của môi trường tự nhiên, thực phẩm thiếu an toàn, hàng hóa làm nhái, làm giả, v.v.. Tất cả điều này đã ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của người dân vùng

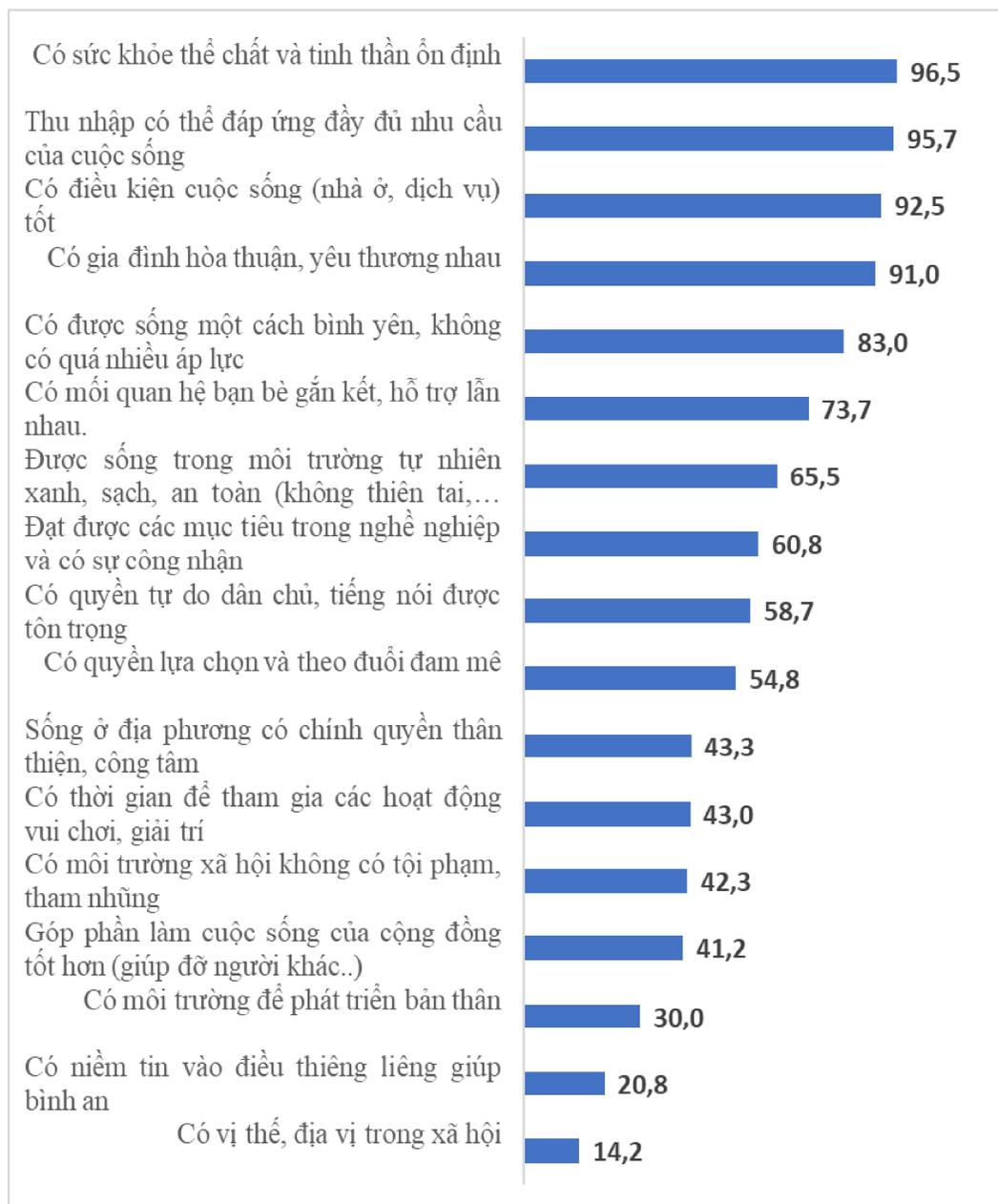
ĐBSCL và đã khiến cho người dân cảm thấy bất an, lo lắng. Vì thế, sống trong môi trường an toàn là một trong những yếu tố giúp người dân vùng ĐBSCL được hạnh phúc. Nếu sống trong môi trường bất an, đối diện nhiều rủi ro, lo lắng thì cảm giác không an toàn và không hạnh phúc.

“Theo chú, hạnh phúc khi mình được sống trong môi trường an toàn, không có bệnh tật, không có rủi ro. Chứ sống trong tâm trạng lúc nào cũng lo sợ, lo lắng cái này, cái kia thì cuộc sống lúc nào cũng căng thẳng. Khi đó làm sao hạnh phúc được” (PVS, nam, 62 tuổi, thành phố Cần Thơ, hưu trí).

“Ở dưới này bà còn chúng tôi lo lắng nhất là thiếu nước ngọt sinh hoạt và trồng trọt nên mùa khô thì lúc nào cũng phải lo trữ nước, kiếm nước. Lo lắng vậy thì có hạnh phúc không? Nên hạnh phúc phải được sống an toàn” (PVS, nữ, 58 tuổi, Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp), giáo viên về hưu).

Một số yếu tố khác như thời gian thư giãn, pháp luật tôn trọng quyền tự do, giá trị tinh thần và sự rộng lượng của xã hội cũng chiếm tỉ lệ không nhỏ (xem biểu đồ 1). Điều này cho thấy, người dân vùng ĐBSCL cũng có khát khao được tôn trọng quyền tự do, được thụ hưởng hoạt động thư giãn, giải trí phong phú và con người được sống bao dung, yêu thương hơn. Như vậy, người dân ĐBSCL không chỉ mong muốn có được cuộc sống vật chất tốt đẹp, sức khỏe tốt mà còn được thoải mái tinh thần, tự do và rộng lượng, bao dung.

Từ các bằng chứng khảo sát về yếu tố quan trọng đối với hạnh phúc, câu hỏi đặt ra: người dân vùng ĐBSCL quan niệm hạnh phúc là gì? Kết quả khảo sát ở biểu đồ 2 cho thấy, có tới 96,5% người dân vùng ĐBSCL cho rằng hạnh phúc là khi có sức khỏe thể chất và tinh thần ổn định. Tiếp đến là thu nhập có thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu cuộc sống và có điều kiện cuộc sống tốt (như nhà ở, các dịch vụ xã hội) chiếm tỉ lệ lần lượt là 95,7% và 92,5%. Hạnh phúc còn là có gia đình hòa thuận, yêu thương (chiếm 91,0%); có cuộc sống an yên, không có quá nhiều áp lực (chiếm 83,0%); có mối quan hệ bạn bè gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau (chiếm 73,7%) và được sống trong môi trường tự nhiên trong sạch, an toàn (chiếm 65,5%). Như vậy, quan niệm hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL thuộc nhóm thứ nhất liên quan đến sức khỏe tốt, đời sống kinh tế ổn định, có gia đình yêu thương, có mối quan hệ xã hội tốt đẹp, có cuộc sống an yên và môi trường sống tự nhiên an toàn.

Biểu đồ 2: Quan niệm hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL (%)

Nguồn: Kết quả khảo sát 600 người dân ở ĐBSCL, 2025.

Nhóm thứ hai về quan niệm hạnh phúc, hạnh phúc của người dân ở ĐBSCL liên quan đến quyền tự do, quan hệ giữa chính quyền với người dân tốt đẹp và các điều kiện để tạo điều kiện đóng góp, cống hiến và phát triển bản thân. Điều này

cho thấy, người dân có hạnh phúc khi họ cảm thấy được quyền tự do, điều kiện để cống hiến, phát triển bản thân. Có thể thấy, quan niệm này đã góp phần làm rõ thêm về yếu tố tự do, rộng lượng và bao dung, đó là hạnh phúc phải có sự tự do, rộng lượng và bao dung. Điều này được củng cố thêm từ thông tin định tính:

“Tui nghĩ là hạnh phúc phải có sự rộng lượng, bao dung. Thí dụ, trong cuộc sống vợ chồng thì phải có sự tha thứ, rộng lượng, chứ lúc nào cũng trách cứ lỗi lầm của nhau thì vợ chồng không thể hạnh phúc được” (PVS, nam, 43 tuổi, nhân viên văn phòng, thành phố Cần Thơ).

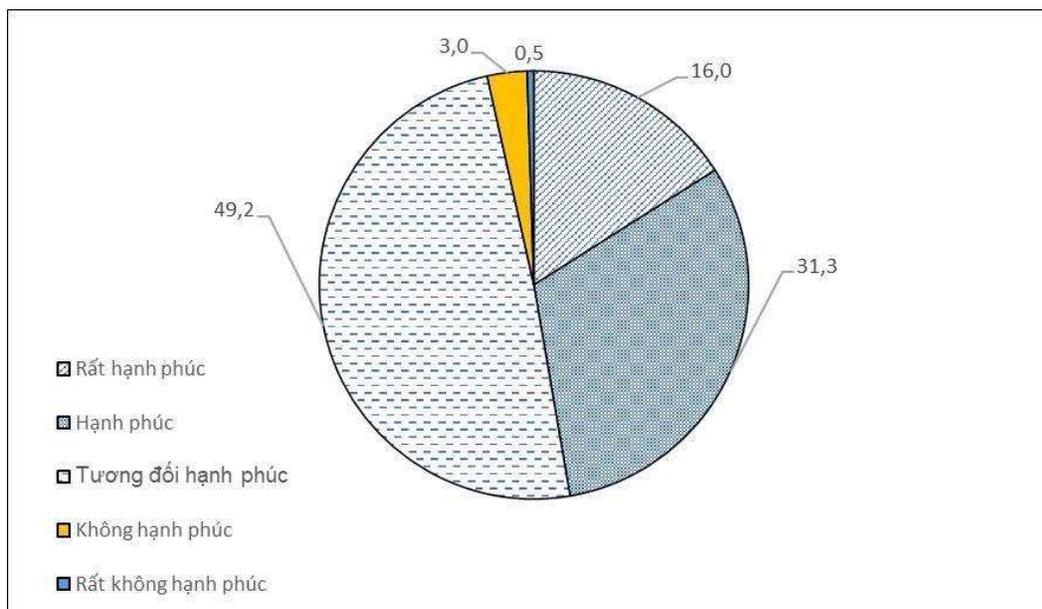
“Em cảm thấy hạnh phúc khi được sống thoải mái theo sở thích bản thân nhưng không vi phạm pháp luật là được” (PVS, nam, 21 tuổi, sinh viên Đại học Tiền Giang).

3.2. Hạnh phúc của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong hiện thực

Theo Helliwell và Wang (2012), dấu hiệu cơ bản nhất cho thấy hạnh phúc là bạn cảm thấy hạnh phúc như thế nào, chứ không phải việc người khác có thấy bạn cười hay không, gia đình bạn có nghĩ rằng bạn hạnh phúc hay bạn có tất cả những lợi ích vật chất được cho là tốt. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đánh giá hạnh phúc chủ quan của người dân vùng ĐBSCL với câu hỏi: “Sau khi đánh giá toàn bộ các nội dung liên quan đời sống của mình, Ông/Bà cho biết cảm nhận hạnh phúc của mình ở mức độ nào? Kết quả khảo sát cho thấy, có 47,3% tổng số người trả lời đánh giá hạnh phúc của họ ở mức độ hạnh phúc và rất hạnh phúc; có 49,2% người khảo sát đánh giá hạnh phúc của họ ở mức độ tương đối hạnh phúc và vẫn còn 3,5% tổng số người trả lời đánh giá họ không hạnh phúc và rất không hạnh phúc (xem biểu đồ 3). Điều này cho thấy, hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL ở mức độ tương đối hạnh phúc trở lên. Có thể thấy, phần lớn người dân vùng ĐBSCL vẫn chưa mạnh dạn khẳng định họ đang hạnh phúc. Điều được củng cố từ những bằng chứng định tính cho thấy, đa số người dân tham gia phỏng vấn vẫn còn phân vân về mức độ hạnh phúc của họ. Cuộc sống của họ vẫn còn đan xen nhiều niềm vui lẫn lo lắng, bất an.

“Tôi đánh giá mức độ hạnh phúc của mình chỉ ở mức độ bình thường, bởi vì cuộc sống của tôi không hẳn mọi thứ đều tốt đẹp mà vẫn còn nhiều vấn đề phải lo. Ví dụ, Tôi là công chức nhà nước, tương ổn định suốt đời nhưng trong tình hình sáp nhập, tinh gọn thì tôi cũng không chắc mình rơi vào đối tượng bị tinh giản” (PVS, nam, 45 tuổi, Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ), công chức).

“Em nghĩ hạnh phúc của mình chỉ ở mức bình thường thôi ạ. Bởi vì cuộc sống hiện tại của em chưa phải hoàn toàn là tốt. Đôi lúc cũng đối diện với nhiều khó khăn” (PVS, nam, 32 tuổi, Cà Mau, nghề tự do).

Biểu đồ 3: Mức độ hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL (%)

Nguồn: Kết quả khảo sát 600 người dân ở vùng ĐBSCL, 2025.

Câu hỏi đặt ra, mức độ hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL như thế nào theo từng đặc điểm nhân khẩu học? Mục đích phân tích mức độ hạnh phúc theo đặc điểm nhân khẩu học nhằm đánh giá sự khác biệt về mức độ hạnh phúc của các nhóm xã hội để kiểm định cho giả thuyết nghiên cứu. Theo kết quả khảo sát ở bảng số liệu 1 dưới đây, nam giới đánh giá hạnh phúc hơn so với nữ giới. Trong khi đó, nữ giới đánh giá mức độ không hạnh phúc cao hơn so với nam giới có ý nghĩa thống kê ($p=10\%$). Điều này cho thấy, nam giới vùng ĐBSCL lạc quan đối với cuộc sống hơn nữ giới. Thực tế cho thấy, mặc dù vùng ĐBSCL định kiến giới không quá khắt khe đối với nữ giới so với vùng đồng bằng sông Hồng; song nam giới đóng vai trò quyết định trong gia đình, đặc biệt ở nông thôn. Vai trò của nữ giới trong gia đình và xã hội đã có sự thay đổi tích cực nhưng đa số nữ giới, đặc biệt ở nông thôn vẫn còn phụ thuộc vào nam giới về kinh tế. Thật vậy, theo thống kê giới năm 2023, nam giới đóng vai trò chủ hộ chiếm 70,4% so với 29,6% nữ giới. Tỷ lệ thất nghiệp của nữ giới chiếm 2,62% so với 2,43% của nam giới. Thu nhập bình quân của lao động có việc làm của nữ giới chỉ có 5,1 triệu đồng/người/tháng so với 7,5 triệu đồng/người/tháng của nam giới. Tất cả điều này đã ảnh hưởng đến hạnh phúc cho nữ giới vùng ĐBSCL. Vì thế, nữ giới vùng đất chín rồng đã đánh giá hạnh phúc chiếm tỷ lệ thấp hơn nam giới.

Ở chiều cạnh khu vực cho thấy, người dân ở nông thôn vùng ĐBSCL đánh giá hạnh phúc hơn so với ở thành thị (xem bảng 1). Theo Burger và cộng sự trong Báo cáo Hạnh phúc quốc tế (2020), nghịch lý của đô thị là khi đô thị càng phát triển thì hạnh phúc bị suy giảm. Theo đó, ở giai đoạn đầu, thành phố mang lại hạnh phúc cao hơn nhờ thu nhập và cơ hội kinh tế cao. Tuy nhiên, khi thu nhập tăng cao hơn, công nghệ và cơ sở hạ tầng phát triển, nông thôn trở nên tiếp cận tốt hơn, thì khoảng cách hạnh phúc giữa thành thị và nông thôn giảm dần, và sau đó, mức độ hạnh phúc ở nông thôn bằng hoặc vượt thành thị. Bởi lẽ, thành phố lại đối diện với nhiều thách thức như bất bình đẳng xã hội, vốn xã hội suy giảm, ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông, môi trường thiếu không gian xanh, v.v.. Theo tiếp cận này, nghiên cứu giải thích việc người dân ở nông thôn vùng ĐBSCL đánh giá hạnh phúc hơn là do ở nông thôn vùng ĐBSCL đã có chuyển đổi mạnh mẽ trong những năm qua, đặc biệt là kể từ khi thực hiện có hiệu quả mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Người dân ở nông thôn đã có nhiều cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội tốt hơn, cơ hội việc làm cũng nhiều hơn và sự gắn kết xã hội vẫn còn chặt chẽ. Trong khi đó, ở các thành thị, đặc biệt thành phố lớn như thành phố Cần Thơ, người dân thành thị phải đối diện với tình trạng ngập lụt đô thị, ô nhiễm môi trường, thất nghiệp, v.v.. Chính điều này đã tạo ra sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn trong đánh giá mức độ hạnh phúc của người dân.

Nghiên cứu cũng đánh giá cảm nhận về mức độ hạnh phúc theo chiều cạnh người bản địa và người di cư. Ở bảng số liệu 1 cho thấy, người bản địa đánh giá mức độ hạnh phúc và rất hạnh phúc cao hơn so với người di cư. Sở dĩ là do, người di cư phải đối diện với nhiều vấn đề như nhà ở, việc làm, sự gắn kết xã hội, đặc biệt là người di cư đến địa phương trong một thời gian ngắn. Chính điều này đã ảnh hưởng đến hạnh phúc của người di cư.

Bảng 1: Đánh giá mức độ hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL theo đặc điểm nhân khẩu học (%)

| Đặc điểm | Không hạnh phúc | Tương đối hạnh phúc | Hạnh phúc | Rất hạnh phúc | Tổng |
|-------------------|-----------------|---------------------|-----------|---------------|------|
| Giới tính* | | | | | |
| Nam | 1,8 | 48,4 | 33,1 | 16,7 | 100 |
| Nữ | 5,0 | 49,8 | 29,8 | 15,4 | 100 |

| Đặc điểm | Không hạnh phúc | Tương đối hạnh phúc | Hạnh phúc | Rất hạnh phúc | Tổng |
|-------------------------------|------------------------|----------------------------|------------------|----------------------|-------------|
| Khu vực sống* | | | | | |
| Thành thị | 3,8 | 54,4 | 27,8 | 14,1 | 100 |
| Nông thôn | 3,2 | 43,2 | 35,4 | 18,2 | 100 |
| Nơi sinh sống** | | | | | |
| Người bản địa | 3,1 | 46,5 | 32,5 | 17,9 | 100 |
| Di cư | 4,7 | 55,6 | 28,4 | 11,3 | 100 |
| Nghề nghiệp* | | | | | |
| Nông dân | 5,8 | 51,0 | 31,7 | 11,5 | 100 |
| Công nhân | 3,3 | 45,0 | 38,3 | 13,4 | 100 |
| Lao động tự do | 4,8 | 46,7 | 29,9 | 18,6 | 100 |
| Cán bộ công chức, viên chức | 1,6 | 45,0 | 30,8 | 22,6 | 100 |
| Học sinh, sinh viên | 0,0 | 47,5 | 28,8 | 23,7 | 100 |
| Khác (nội trợ, hưu trí) | 7,1 | 64,3 | 16,7 | 11,9 | 100 |
| Tình trạng hôn nhân*** | | | | | |
| Đang có vợ chồng | 2,8 | 52,4 | 28,6 | 16,2 | 100 |
| Ly thân/ly hôn | 6,5 | 41,3 | 43,5 | 8,7 | 100 |
| Góa | 33,3 | 33,3 | 33,4 | 0,0 | 100 |
| Chưa kết hôn | 2,6 | 43,4 | 34,9 | 19,1 | 100 |
| Mức sống*** | | | | | |
| Khá giả | 0,0 | 22,9 | 54,2 | 22,9 | 100 |
| Trung bình | 4,2 | 53,2 | 27,4 | 15,2 | 100 |
| Cận nghèo/Nghèo | 3,7 | 66,7 | 22,2 | 7,4 | 100 |

| Đặc điểm | Không hạnh phúc | Tương đối hạnh phúc | Hạnh phúc | Rất hạnh phúc | Tổng |
|---|-----------------|---------------------|-----------|---------------|------|
| Nhóm tuổi*** | | | | | |
| Dưới 30 tuổi | 2,8 | 41,1 | 33,8 | 18,3 | 100 |
| Từ 30 - 45 tuổi | 2,9 | 53,4 | 31,4 | 12,3 | 100 |
| Từ 46 - 59 tuổi | 0,8 | 47,9 | 27,3 | 24,0 | 100 |
| Từ 60 tuổi trở lên | 13,3 | 41,7 | 33,3 | 11,7 | 100 |
| Học vấn*** | | | | | |
| Tiểu học | 20,0 | 52,0 | 16,0 | 12,0 | 100 |
| Trung học cơ sở | 5,3 | 53,8 | 28,3 | 12,6 | 100 |
| Trung học phổ thông | 2,2 | 46,7 | 37,9 | 13,2 | 100 |
| Trung cấp trở lên | 2,2 | 51,9 | 26,5 | 19,5 | 100 |
| Ghi chú: ***: p=1%, **p=5%, *p=10% | | | | | |

Nguồn: Kết quả khảo sát 600 người dân ở vùng DBSCL, 2025.

Xét ở chiều cạnh nghề nghiệp, ở bảng 1 cho thấy, nhóm học sinh, sinh viên là nhóm xã hội đánh giá khá tích cực về mức độ hạnh phúc. Điều này có thể giải thích rằng, nhóm xã hội đang trong giai đoạn ngồi trên ghế nhà trường, giảng đường đại học cho nên ít có va chạm cuộc sống, không chịu nhiều áp lực từ cuộc sống, luôn nhìn cuộc sống với gam màu tích cực. Nhóm cán bộ, công chức, viên chức là nhóm xã hội có công việc, thu nhập khá ổn định, có mức sống tương đối ổn định. Trong khi đó, nhóm nghề nghiệp khác (nội trợ, hưu trí, v.v.) đánh giá mức độ hạnh phúc và rất hạnh phúc thấp nhất. Điều này có thể giải thích rằng, nhóm nghề nghiệp khác (nội trợ, hưu trí, v.v.) là nhóm xã hội không tham gia hoặc không còn tham gia thị trường lao động, đã khiến cho nhóm nghề nghiệp này suy giảm các mối quan hệ xã hội, phụ thuộc vào người thân, đặc biệt là những người nội trợ. Rõ ràng, nghề nghiệp của người dân vùng DBSCL khác nhau thì đánh giá mức độ hạnh phúc cũng khác nhau.

Xét ở chiều cạnh tình trạng hôn nhân, ở bảng 1 cho thấy, nhóm người dân đang ở góa và ly thân/ly hôn là nhóm xã hội đánh giá mức độ hạnh phúc và rất hạnh phúc chiếm tỉ lệ thấp nhất. Bởi lẽ, nhóm người dân đang ở góa phải đối diện sự mất mát người bạn đời, có thể sống cô đơn và người đang ly thân/ly hôn là nhóm xã hội chịu ảnh hưởng của cuộc hôn nhân không trọn vẹn. Theo lý thuyết sự hài lòng cuộc sống,

những biến cố trong cuộc sống như mất người thân, ly thân/ly hôn sẽ làm ảnh hưởng tiêu cực đến hạnh phúc. Vì thế, các nhóm xã hội này mức độ lạc quan ít hơn trong đánh giá hạnh phúc của họ. Trong khi đó, nhóm xã hội chưa có gia đình đánh giá khá lạc quan về hạnh phúc, sở dĩ là vì nhóm xã hội này chưa chịu ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống hôn nhân và họ đang ở trạng thái tự do, ít ràng buộc của gia đình. Cùng với đó, nhóm xã hội đang có gia đình đánh giá mức độ hạnh phúc và rất hạnh phúc đứng vị trí thứ hai trong các tình trạng hôn nhân khác. Điều này có thể lý giải rằng, nhóm xã hội này đang có cuộc sống hôn nhân viên mãn, có xu hướng bình đẳng, cùng chia sẻ, cùng chung trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng gia đình. Như vậy, mỗi tình trạng hôn nhân khác nhau thì có sự lạc quan trong cảm nhận hạnh phúc khác nhau.

Xét ở chiều cạnh mức sống, cảm nhận hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL còn được đánh giá theo mức sống để thể hiện mức sống có ảnh hưởng đến hạnh phúc của con người. Kết quả khảo sát cho thấy, người dân vùng ĐBSCL có mức sống càng cao thì đánh giá mức độ hạnh phúc càng cao (xem bảng 1). Điều này có thể lý giải rằng, nhóm xã hội có điều kiện cuộc sống không phải chật vật mưu sinh “com áo gạo tiền” thì họ không phải lo lắng gánh nặng kinh tế và điều này giúp họ cảm thấy hạnh phúc hơn. Trong khi đó, nhóm xã hội có mức sống thấp hơn thường phải đối diện với nhiều lo toan trong cuộc sống và điều này đã ảnh hưởng không tích cực đến hạnh phúc của họ. Như vậy, mức sống là một trong những biến số cần chú ý trong đề xuất các giải pháp để gia tăng hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL trong thời gian tới.

Xét ở chiều cạnh tuổi tác, số liệu ở bảng 1 cho thấy, nhóm tuổi từ 60 trở lên là nhóm xã hội đánh giá mức độ hạnh phúc thấp nhất; trong khi đó nhóm tuổi từ 46 - 59 tuổi và nhóm dưới 30 tuổi đánh giá mức độ hạnh phúc và rất hạnh phúc chiếm tỉ lệ cao nhất. Rõ ràng, sự hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL theo hình chữ “S”, tỉ lệ người dân đánh giá về mức độ hạnh phúc cao ở giai đoạn đầu nhưng sau đó giảm xuống ở lứa tuổi trung niên và rồi lại tăng ở nhóm tuổi 46 - 59, giảm ở nhóm từ 60 tuổi trở lên. Sở dĩ là do ở tuổi thanh niên, con người luôn nhìn cuộc sống với những điều tích cực, lứa tuổi này chưa chịu áp lực từ cuộc sống; trong khi đó, lứa tuổi từ 30 - 45 tuổi là nhóm xã hội bước vào ngưỡng cửa hôn nhân, đối diện với nhiều khó khăn trong cuộc sống và nhóm tuổi từ 60 trở lên là nhóm xã hội đã rời khỏi thị trường lao động, thu nhập, sức khỏe giảm, mất người bạn đời, cô đơn. Có thể thấy, các biến cố trong chu kỳ vòng đời của con người đã ảnh hưởng tiêu cực đến cảm nhận hạnh phúc của các nhóm xã hội này.

Xét ở chiều cạnh trình độ học vấn, kết quả khảo sát ở ĐBSCL cho thấy, người dân có trình độ học vấn càng cao thì càng đánh giá tích cực về mức độ hạnh phúc của họ. Theo đó, người dân có trình độ tiểu học đánh giá không hạnh phúc chiếm 20,0%, trong khi đó nhóm người dân có trình độ phổ thông trung học và trung cấp trở lên chỉ chiếm 2,2%. Ngược lại, tỉ lệ người dân có trình độ trung cấp trở lên

đánh giá mức độ rất hạnh phúc chiếm 19,5%, cao nhất trong tất cả các trình độ; trong khi đó người dân có trình độ tiểu học đánh giá cùng mức độ chỉ chiếm 12,0%, thấp nhất. Điều này có thể giải thích rằng, nhóm xã hội có trình học vấn cao có nhiều cơ hội tạo thu nhập tốt hơn, các mối quan hệ xã hội phong phú, đa dạng và có kỹ năng ứng phó với rủi ro tốt hơn; trong khi đó các cơ hội và kỹ năng này rất khó nhìn thấy ở nhóm xã hội có trình độ tiểu học. Chính sự khác biệt này đã ảnh hưởng đến hạnh phúc của các nhóm xã hội có trình độ khác nhau.

4. Kết luận

Có thể thấy rằng, quan niệm hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL cũng tương đối thống nhất với nghiên cứu của Lê Ngọc Văn (2019) rằng, quan niệm hạnh phúc của người dân bao gồm có đời sống kinh tế - môi trường tốt đẹp (thu nhập, điều kiện sống, môi trường tự nhiên), đời sống cá nhân được đảm bảo (sức khỏe, cuộc sống không có áp lực), quan hệ gia đình và xã hội tích cực (gia đình yêu thương, có mối quan hệ bạn bè gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau). Ngoài ra, cũng có không ít người dân vùng ĐBSCL còn quan niệm hạnh phúc là sự cống hiến, sự phát triển của bản thân và có mối quan hệ tích cực với chính trị. Điều này cho thấy, người dân ĐBSCL hạnh phúc không chỉ có những yếu tố đảm bảo tốt đẹp cho cuộc sống cá nhân mà họ còn hạnh phúc khi được cống hiến cho sự phát triển của xã hội. Rõ ràng, hạnh phúc của cư dân vùng đất chín rồng luôn có sự hài hòa giữa lợi ích của cá nhân và xã hội. Điều này cần được tiếp tục phát huy trong bối cảnh xã hội chuyển đổi nhanh.

Các bằng chứng nghiên cứu đã phản ánh cảm nhận hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL được đánh giá ở mức độ tương đối hạnh phúc trở lên. Tuy nhiên, mức độ đánh giá hạnh phúc càng lên cao thì tỉ lệ người dân đánh giá càng ít. Trong đó, người dân đánh giá hạnh phúc ở mức độ hạnh phúc và rất hạnh phúc ở các nhóm xã hội có sự khác nhau. Theo đó, nam giới đánh giá mức độ hạnh phúc chiếm tỉ lệ cao hơn nữ giới; người nông thôn đánh giá mức độ hạnh phúc có tỉ lệ cao hơn thành thị; người bản địa đánh giá hạnh phúc chiếm tỉ lệ cao hơn người di cư; người dân có trình độ học vấn, mức sống càng cao thì tỉ lệ đánh giá mức độ hạnh phúc càng cao. Nhóm người dân thuộc nghề nghiệp (nội trợ, hưu trí, v.v.), người cao tuổi (60 tuổi trở lên) và người đang ở góa, ly hôn/ly thân thì đánh giá mức độ hạnh phúc chiếm tỉ lệ thấp nhất so với các nhóm còn lại.

Một trong những nghịch lý đáng chú ý ở ĐBSCL là người dân nông thôn có mức độ hạnh phúc cao hơn so với người dân đô thị, mặc dù cư dân đô thị có thu nhập và trình độ học vấn cao hơn. Kết quả này dường như trái ngược với nhiều nghiên cứu trước đó chỉ ra rằng thu nhập và học vấn cao có mối liên hệ tích cực với hạnh phúc cá nhân (Easterlin, 2003; Diener và cộng sự, 2010). Để lý giải điều này, việc xem xét yếu tố bối cảnh là một trong những yếu tố không thể không quan tâm. Như đã phân tích, nông thôn ĐBSCL có môi trường tự nhiên gần gũi, quan hệ cộng đồng

gắn bó và áp lực cạnh tranh xã hội thấp, giúp gia tăng cảm nhận an toàn và hài lòng trong cuộc sống (Markussen và cộng sự, 2018). Ngược lại, đô thị tuy mang lại thu nhập và cơ hội nghề nghiệp cao hơn, nhưng đồng thời cũng đi kèm chi phí sinh hoạt lớn, áp lực công việc, kẹt xe, ô nhiễm và sự so sánh xã hội gay gắt, làm suy giảm cảm nhận hạnh phúc (Graham và Lora, 2009). Do đó, sự khác biệt không chỉ đến từ yếu tố cá nhân (mức sống, học vấn) mà còn từ yếu tố bối cảnh xã hội - môi trường sống. Điều này giải thích tại sao người dân nông thôn ĐBSCL, dù thu nhập thấp hơn, vẫn có tỉ lệ cảm nhận hạnh phúc cao hơn cư dân đô thị. Các phát hiện của nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng đối với các chiến lược phát triển cho người dân vùng ĐBSCL. Nâng cao hạnh phúc của người dân vùng ĐBSCL không chỉ có các chính sách phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập, học vấn mà còn phải quan tâm đến giá trị truyền thống như cố kết cộng đồng, phát huy các giá trị tích cực của gia đình, hỗ trợ kỹ năng ứng phó với rủi ro trong các mối quan hệ gia đình và xã hội để hướng đến phát triển xã hội hài hòa giữa con người với con người, con người với thiên nhiên.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Thị Hương Trâm. 2019. *Quan niệm hạnh phúc của phụ nữ Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Xã hội học. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Hà Nội.
2. Burger.J.M., Morrison, S.P., Hendriks, M., Hoogerburgge, M. M. 2020. *Urban-Rural Happiness Differentials across the World: In World Happiness Report*.
3. Casas F., Bello A., González M., & Aligué M. 2013. *Children's Subjective Well Being*.
4. Đặng Thị Hoa. 2017. “Quan niệm về hạnh phúc của người dân tộc thiểu số (Nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Sơn La)”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, quyển 27, số 2, tr. 59 - 70.
5. Diener E, Oishi S. & Lucas R. E. 2002. “Subjective well-being: The science of happiness and life satisfaction”. In *Handbook of Positive Psychology*, p. 63. Oxford University Press.
6. Diener, E., Kahneman, D., Tov, W., & Arora, R. 2010. “Income’s differential influence on judgments of life versus affective well-being”. In *International Differences in Well-Being*, pp. 3 - 15.
7. Easterlin, R. A. 2003. *Explaining happiness*. PNAS, 100(19), 11176 - 11183.
8. Graham, C., & Lora, E. 2009. *Paradox and Perception: Measuring Quality of Life in Latin America*. Brookings Institution Press.
9. Helliwell, J. and Wang, S. 2012. “The state of world happiness”. In Helliwell, J., Layard, R. and Sachs, J. (eds.). *World Happiness Report*. Earth Institute, Columbia University, New York.

10. Huebner E. S. 1994. "Preliminary development and validation of a multidimensional life satisfaction scale for children". *Psychological Assessment*, 6(2), pp. 149 - 158.
11. Lê Ngọc Văn. 2019. *Hạnh phúc của con người Việt Nam: Khái niệm, cách tiếp cận và chỉ số đánh giá*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Lương Thị Hoa. 2022. *Giáo dục kỹ năng sống và hạnh phúc cho thanh niên*. Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
13. Markussen, T., Fibæk, M., Tarp, F., & Tuan, N. D. A. 2018. "The Happy Farmer: Self-Employment and Subjective Well-Being in Rural Vietnam". *Journal Happiness Study*, 19: 1613 - 1636. Doi.org/10.1007/s10902-017-9858-x.
14. Ngô Thị Lan. 2020. *Hạnh phúc và sự hài lòng trong cuộc sống ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
15. Nguyễn Hồng Vân. 2019. *Chỉ số phát triển con người và hạnh phúc ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
16. Nguyễn Quốc Tuấn. 2020. *Phát triển xã hội và cải thiện hạnh phúc cộng đồng*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
17. Nguyễn Trí Nam Khang, Trần Thị Mộng Tuyền, Dương Quế Nhu và Nguyễn Thị Hoàng Yến. 2014. "Chất lượng cuộc sống của người dân tại các địa bàn chịu tác động của du lịch Vĩnh Long". *Tạp chí Khoa học*, trường Trường Đại học Cần Thơ, 30 (2014), tr. 100 - 105.
18. Nguyễn Văn Thắng. 2021. *Đo lường hạnh phúc và phát triển xã hội bền vững*. Nxb. Lao động Xã hội. Hà Nội.
19. OECD. 2013. *OECD Guidelines on Measuring Subjective Well-being*.
20. Phan Thuận. 2021. "Mối quan hệ giữa sự hài lòng cuộc sống với thời gian dành cho hoạt động thư giãn". *Tạp chí Khoa học xã hội & Nhân văn*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, tập 7, số 3b(12/2021), tr. 533 - 547.
21. Trần Văn Hùng. 2020. *Phát triển bền vững và chỉ số hạnh phúc tại Việt Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. Trịnh Chí Thâm, Lê Văn Nhung, Huỳnh Hoang Khả, Lê Văn Hiệu, Nguyễn Thị Ngọc Phúc, Ngô Ngọc Trân và Hà Thị Thu Thủy. 2019. "Đánh giá chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu ở thành phố Cần Thơ và tỉnh Kiên Giang qua một số tiêu chí". *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, tập 55, số 6c (2019), tr. 62 - 73.
23. Trương Minh Đức. 2019. *Phát triển xã hội và đo lường hạnh phúc*, Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
24. Veenhoven, R. 2015. "Social conditions for human happiness: A review". *International Journal of Psychology*, 50(5) 379 - 391. Doi: 10.1002/ijop.12161.